

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK6+MRM	7:25	19+0+2	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
2		BK20+PVD1+RC6	7:25	6+9+0	0+0+0		3+9+10	0+0+0	
3		BK14+TD2+RC5	9:25	3+6+11	0+0+0		2+6+10	0+0+0	
4		RP3+RP1+RC3	9:25	10+11+0	0+0+0		10+7+3	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - BK6 - MRM	CREW: Nam - M.Đức - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

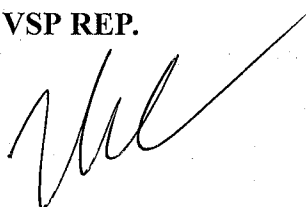
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	16	1	8	100	74	KHOAN	Vietnamese
2	HỒ VĂN HUNG	TD2	09	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
3	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	13	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	RAKHIMOV A.R	TD2	11	1	6		90	D-HANH	Russian
5	PHAN KIM CUÔNG	TD2	15	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
6	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	14	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
7	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	06	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
9	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	10	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TRƯỞNG LAM	TD2	07	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN QUY	TD2	08	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN PHƯƠNG HUNG	TD2	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG MINH SƠN	TD2	900	1	12		72	ANTOAN	Vietnamese
14	ĐINH VIỆT DUNG	TD2	01	1	5		67	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN QUAN	TD2	03	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN HUNG	TD2	02	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	LE HUNG CUONG	TD2	05	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN BINH	TD2	04	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN THAI	MRM	63-64	2	19		82	SCHLUMB	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DOAN	MRM	61-62	2	19		60	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	17	105	1.320	100	18		
2	BK6	0	0	0	0	0	2		
3	MRM	2	4	38	142	0	2		
TOTAL		20	21	143	1.462	100	22		
WEIGHT KG				143	1.462	100			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2023	TO: BK20 - PVD1 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - DTùng	ETA: 09:15
cam - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG ĐÌNH VINH	BK20	05	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LONG	BK20	18	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK20	16	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẠO ĐÌNH CUƠNG	BK20	17	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KHUYNH	BK20	03-04	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRUNG	BK20	06-07	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM THẾ QUANG	PVD1	91	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TRUNG KIẾN	PVD1	89	1	15	10	72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC SANG	PVD1	93	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA CUƠNG	PVD1	92	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THAI THANH	PVD1	96-97	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH TUẤN	PVD1	94	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG QUY	PVD1	95	1	12		75	DVL	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN CHUNG	PVD1	88	1	17		75	DVL	Vietnamese
15	VŨ VĂN NAM	PVD1	200	1	14		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	6	8	81	417	0	3		
2	PVD1	9	10	114	623	10	9		
3	RC6	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		15	18	195	1.040	10	22		
WEIGHT KG				195	1.040	10			

GRAND TOAL: 1.245 KGS

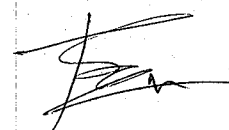
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: BK14 - TD2 - RC5	CREW: Nam - M.Đức - PTUẤN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHI HA	BK14	85	1	20	20	69	XAY LAP	Vietnamese
2	NGUYEN SY ANH TU	BK14	86	1	13	25	74	XAY LAP	Vietnamese
3	CAO TUAN VU	BK14	83-84	2	18		62	XAY LAP	Vietnamese
4	DUONG TRUNG KIEN	TD2	26	1	12		61	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN MINH THAI	TD2	23	1	6		105	PSV	Vietnamese
6	VU ANH HIEU	TD2	27	1	10	12	58	SCHLUMB	Vietnamese
7	TRAN DUC THINH	TD2	31	1	10	12	78	SCHLUMB	Vietnamese
8	NGUYEN DUY MINH	TD2	24-25	2	19		97	SCHLUMB	Vietnamese
9	HOANG TUAN ANH	TD2	29-30	2	20		70	HALLIBUR	Vietnamese
10	HA VAN TRUONG	RC5	37	1	12		56	XAY LAP	Vietnamese
11	NGUYEN HONG QUAN	RC5	41-42	2	10		59	XAY LAP	Vietnamese
12	LE HONG DUNG	RC5	45	1	10		74	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYEN ANH DUC	RC5	44	1	5		71	XAY LAP	Vietnamese
14	BUI VAN TRI	RC5	46	1	6		62	XAY LAP	Vietnamese
15	LE MINH NGOC	RC5	47-48	2	15		80	XAY LAP	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG HIEP	RC5	38	1	5		67	XAY LAP	Vietnamese
17	BUI TRONG NHAN	RC5	51-52	2	18	35	65	XAY LAP	Vietnamese
18	QUACH TIEN DUONG	RC5	39	1	12		80	XAY LAP	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN THUAT	RC5	49	1	4		80	PSV	Vietnamese
20	BUI DUC KHANH	RC5	50	1	4		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	3	4	51	205	45	2		
2	TD2	6	8	77	469	24	6		
3	RC5	11	14	101	750	35	10		
TOTAL		20	26	229	1,424	104	18		
WEIGHT KG				229	1,424	104			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2023	TO: RP3 - RP1 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - Son - <i>Tung</i>	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC PHUNG	RP3	46-47	2	15	50	63	DVL	Vietnamese
2	TRAN MANH VUONG	RP3	42-43	2	20		72	XLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUC ANH	RP3	44-45	2	20		79	XLAP	Vietnamese
4	HOANG DINH CHIEN	RP3	36-37	2	11		68	PSV	Vietnamese
5	BUI VAN TUAN	RP3	40	1	7		71	PSV	Vietnamese
6	PHAM NGOC CHI	RP3	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	DOAN VAN AN	RP3	71	1	10		70	PSV	Vietnamese
8	TRAN BA MAU	RP3	39	1	6		67	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN HIEU	RP3	41	1	5		58	PSV	Vietnamese
10	BUI VAN LONG	RP3	72	1	5		68	PSV	Vietnamese
11	PHUNG DAI DUONG	RP1	88	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
12	TSOPANOV	RP1	87	1	12		100	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN BA QUY	RP1	86-87	2	8	50	68	KH-THAC	Vietnamese
14	DO QUANG TAO	RP1	93	1	8		73	XAY LAP	Vietnamese
15	NGUYEN DUY KHANH	RP1	94	1	10		68	XAY LAP	Vietnamese
16	NGUYEN DUC THANG	RP1	97-98	2	12		98	PSV	Vietnamese
17	HA QUOC VINH	RP1	900,99	2	10		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VIET DUNG	RP1	96	1	2		78	PSV	Vietnamese
19	LE VAN QUY	RP1	86	1	10		76	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN HUAN	RP1	89	1	3		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN MINH GIAU	RP1	95	1	2		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	14	104	686	50	10		
2	RP1	11	14	87	854	50	9		
3	RC3	0	0	0	0	3	3		
TOTAL		21	28	191	1.540	103	22		
WEIGHT KG				191	1.540	103			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

